

**QUY TRÌNH VẬN HÀNH
HỒ CHỨA NƯỚC IA BANG THƯỢNG XÃ HÒA BÌNH,
THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:203 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**CHƯƠNG I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Cơ sở pháp lý

1. Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
2. Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
3. Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
4. Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
5. Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
6. Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
7. Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
8. Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
9. Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
10. Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

Điều 2. Nguyên tắc vận hành

Việc vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng phải đảm bảo:

1. An toàn công trình theo chỉ tiêu phòng chống lũ với tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$ ứng với mực nước tại cao trình 628,31m; tần suất lũ kiểm tra $P = 0,5\%$ ứng với mực nước tại cao trình 628,47m.
2. Phát huy hiệu quả của công trình theo nhiệm vụ thiết kế được duyệt: Đảm bảo cung cấp nước tưới cho 73,10ha lúa 2 vụ, 56,40ha cây công nghiệp và 19ha hoa màu; đồng thời điều tiết dòng chảy, cát, giảm lũ cho vùng hạ lưu công

trình; cung cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt và cải thiện môi trường.

3. Trong mùa lũ, khi xuất hiện các tình huống đặc biệt chưa được quy định trong Quy trình này, việc vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng theo sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Điều 3. Thông số chính của hồ chứa

1. Cấp công trình và các chỉ tiêu thiết kế:

- Cấp công trình theo QCVN 04-05- 2012: Cấp III
- Loại công trình: Công trình Nông nghiệp và PTNT
- Tần suất lũ thiết kế : $P = 1,5\%$
- Tần suất lũ kiểm tra: $P = 0,5\%$
- Mức đảm bảo tưới : $P = 85\%$
- Thuộc loại hồ chứa vừa theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ

2. Thông số kỹ thuật chính của hồ chứa:

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Giá trị
I	Hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực	km ²	8,200
2	Cao trình mực nước dâng bình thường	m	628,14
3	Cao trình mực nước lũ thiết kế	m	628,31
4	Cao trình mực nước lũ kiểm tra	m	628,47
5	Cao trình mực nước chết	m	619,00
6	Dung tích toàn bộ (W_{tb})	triệu m ³	1,879
7	Dung tích hữu ích (W_{hi})	triệu m ³	1,850
8	Dung tích chết (W_c)	triệu m ³	0,029

Điều 4. Quy định phân loại lũ và mùa lũ, mùa kiệt

1. Phân loại lũ:

TT	Phân loại lũ	Giá trị (m³/s)
1	Lũ nhỏ là lũ có lưu lượng lũ thấp lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} < 11,87$
2	Lũ vừa là lũ có lưu lượng lũ bằng lưu lượng lũ trung bình nhiều năm	$Q_{lũ} = 11,87$
3	Lũ lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ trung bình nhiều năm nhưng nhỏ hơn lưu lượng lũ thiết kế	$11,87 < Q_{lũ} < 29,33$
4	Lũ đặc biệt lớn là lũ có lưu lượng lũ lớn hơn lưu lượng lũ thiết kế	$Q_{lũ} > 29,33$

2. Mùa lũ, mùa kiệt trong Quy trình này được quy định như sau:
- Mùa lũ bắt đầu từ 01/7 đến 30/11 hàng năm.
 - Mùa kiệt bắt đầu từ 01/12 đến 30/6 năm sau.

CHƯƠNG II

VẬN HÀNH HỒ CHỨA TRONG MÙA LŨ

Điều 5. Nguyên tắc vận hành hồ Ia Bang Thượng trong mùa lũ

Trước mùa lũ hàng năm, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải thực hiện:

1. Tổ chức kiểm tra hồ chứa trước mùa lũ đúng với Quy định hiện hành, phát hiện, xử lý kịp thời những hư hỏng, đảm bảo công trình vận hành an toàn trong mùa mưa lũ (*thời gian thực hiện kiểm tra công trình vào tháng 4 trước lũ và tháng 12 sau lũ theo quy định tại mục 4.2.2- TCVN 8414:2010*).
2. Căn cứ vào dự báo khí tượng thủy văn trước mùa lũ hàng năm và Quy trình này để lập kế hoạch tích, xả nước cụ thể làm cơ sở vận hành hồ chứa, đảm bảo an toàn công trình và tích đủ nước phục vụ các nhu cầu dùng nước, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
3. Lập và rà soát, điều chỉnh, bổ sung phương án ứng phó thiên tai, phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp.

Điều 6. Mục nước hồ trong mùa lũ

1. Mục nước hồ cuối các tháng trong mùa lũ bằng cao trình ngưỡng tràn 626,20m.
2. Mục nước lớn nhất thiết kế MNLNTK 628,31m.
3. Mục nước lớn nhất kiểm tra MNLNKT 628,47m.

Điều 7. Vận hành xả lũ trong trường hợp bình thường

1. Căn cứ vào biểu đồ điều phối và điều kiện thời tiết hàng năm, đơn vị quản lý, khai thác vận hành linh hoạt điều tiết mục nước hồ chứa phải thấp hơn hoặc bằng tung độ "Đường phòng phá hoại" trên biểu đồ điều phối (*phụ lục số III.1*) để bảo đảm an toàn công trình và giảm thiểu ngập lụt cho vùng hạ du hồ chứa.

2. Khi mục nước hồ đến giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 6 Quy trình này, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải:

- Căn cứ vào diễn biến tình hình khí tượng thủy văn, hiện trạng các hạng mục công trình đầu mối, vùng hạ du hồ chứa nước và Quy trình vận hành hồ chứa nước để có đánh giá do lũ qua tràn ảnh hưởng đến hạ du.

- Trục lũ 24/24 và thực hiện chế độ báo cáo thường xuyên cho Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố Kon Tum; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh về diễn

biến mực nước hồ chứa để kịp thời nắm bắt, lên phương án đảm bảo an toàn cho công trình và hạ du công trình.

- Thông báo Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum; Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố Kon Tum, Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình để phổ biến đến Nhân dân vùng hạ du và các cơ quan liên quan về việc dự kiến lưu lượng lũ qua tràn và mực nước dâng ở hạ lưu nhằm đảm bảo an toàn cho người, tài sản vùng hạ du đập khi lũ qua tràn.

3. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa mưa lũ: Công trình tràn xả lũ có cửa van nên vào mùa mưa lũ cửa van phải vận hành phù hợp để vừa tích đủ nước cho hồ và xả lũ an toàn cho công trình và hạ du, cụ thể như sau:

- Trong mùa mưa lũ khi mực nước hồ bằng mực nước ở khoản 1, Điều 6 Quy trình này, các cửa van tràn phải được kéo lên hoàn toàn để khi lũ về xả tự do qua tràn.

- Trong mùa mưa lũ khi mực nước hồ thấp hơn ở khoản 1- Điều 6, tùy theo tình hình thời tiết, Ban Quản lý khai thác các công trình thủy lợi tỉnh (*hoặc đơn vị quản lý, khai thác công trình*) linh hoạt điều tiết đóng mở các cửa van tràn để tích nước hồ đến cao trình MNDBT (+628,14m) nhằm đảm bảo lượng nước tưới của công trình. Trong giai đoạn này cần theo dõi tình hình thời tiết, nếu có mưa lớn xảy ra bất thường cần mở hoàn toàn các cửa van tràn để xả tự do qua tràn.

4. Trình tự thao tác vận hành đóng mở cửa van tràn xả lũ quy định như sau:

- Tràn xả lũ có 2 khoang có cánh cửa van thép với kích thước của van BxH=(3,29x2,0)m, vận hành bằng quay tay, được đánh số thứ tự từ 1 đến 2 theo thứ tự trái sang phải nhìn từ thượng lưu.

- Với mỗi cửa van áp dụng chế độ mở từ thấp đến cao theo độ mở a=0,3m; 0,6m; 0,9m; 1,2m; 1,5m; 1,8m và mở hoàn toàn.

- Trình tự thao tác mở các cửa van được quy định tại Bảng 1, thứ tự mở sau được thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự mở trước đó. Trình tự đóng được thực hiện ngược với trình tự mở, thứ tự đóng sau được thực hiện sau khi hoàn thành thứ tự đóng trước đó.

Bảng 1: Trình tự, phương thức mở các cửa van tràn

Độ mở a (m)	Trình tự mở cửa van	
	Cửa van số 1	Cửa van số 2
0,3	2	1
0,6	4	3
0,9	6	5
1,2	8	7
1,5	10	9
1,8	12	11
Cửa van mở hoàn toàn	14	13

- Thao tác và bố trí nhân lực:
- + Đặt tay quay vào vị trí chốt quay trên hộp máy vít.
- + Bố trí nhân lực quay: Bố trí 1 người/ 1 máy.

Điều 8. Vận hành xả lũ trong trường hợp khẩn cấp

Trong mùa lũ, khi mực nước hồ đạt cao trình +628,31m (MNLNTK) và đang lên, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải thông báo Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum biết để triển khai ngay các biện pháp đảm bảo an toàn cho người, tài sản của người dân vùng hạ du hồ chứa. Đồng thời, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định.

Điều 9. Thông báo trước khi vận hành xả lũ

1. Trước khi lũ qua tràn đến mức phải cảnh báo ở khoản 2 Điều này, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải:

- Thông báo cho Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố Kon Tum, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh; Hình thức thông báo bằng Fax, email, điện thoại...;

- Thông báo bằng loa phóng thanh, còi... để đảm bảo an toàn cho người dân phía hạ du hồ chứa;

- Thời gian thông báo ít nhất trước 15 phút;

2. Chế độ cảnh báo trước khi xả lũ:

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ vừa (*cột nước qua tràn $H_{tr}=1,15m$; mực nước hồ đến cao trình +627,35m*): Kéo 2 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh báo có lũ qua tràn.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ thiết kế (*cột nước qua tràn $H_{tr}=2,11m$; mực nước hồ đến cao trình MNLNTK +628,31m*): Kéo 3 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chính quyền địa phương thực hiện các biện pháp bảo vệ tính mạng và tài sản nhân dân vùng hạ du đập dọc theo tuyến thoát lũ.

- Hiệu lệnh khi lũ qua tràn ứng với lũ kiểm tra (*cột nước qua tràn $H_{tr}=2,27m$; mực nước hồ đến cao trình MNLNKT +628,47m*): Kéo 4 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ để chuẩn bị phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp cho khu vực nằm phía hạ du đập được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hiệu lệnh trong tình huống khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập: Kéo 5 hồi còi hoặc loa phóng thanh mỗi hồi dài 20 giây, cách nhau 10 giây. Đây là hiệu lệnh cảnh báo lũ khẩn cấp, có nguy cơ vỡ đập cần phải tổ chức thực hiện ngay phương án di dời con người và tài sản vùng hạ du đập theo phương án ứng phó thiên tai và phương án ứng phó tình huống khẩn cấp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

CHƯƠNG III

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT TRONG MÙA KIẾT

Điều 10. Điều tiết giữ mực nước hồ trong mùa kiệt

1. Trước mùa kiệt hàng năm, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải căn cứ vào lượng nước trữ trong hồ, dự báo khí tượng thủy văn và nhu cầu dùng nước để lập phương án cấp nước trong mùa kiệt, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết.

2. Chế độ cấp nước trong mùa kiệt: mực nước hồ chứa phải cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối (*phụ lục số III.1*).

3. Mực nước hồ thấp nhất ở cuối các tháng trong mùa kiệt được giữ như sau:

Thời gian (ngày/tháng)	31/12	31/01	28/02	31/3	30/4	31/5	30/6
Mực nước thấp nhất (m)	627,94	627,19	626,18	624,17	622,20	621,73	621,45
Dung tích hồ (10^6 m^3)	1,796	1,515	1,173	0,642	0,295	0,236	0,206
Cột nước so với đáy cống (m)	9,74	8,99	7,98	5,97	4,00	3,53	3,25

Điều 11. Vận hành cấp nước

1. Trường hợp bình thường: Khi mực nước hồ cao hơn hoặc bằng tung độ "Đường hạn chế cấp nước" đơn vị quản lý, khai thác vận hành đảm bảo cung cấp đủ nước cho các nhu cầu dùng nước theo kế hoạch cấp nước.

2. Trường hợp đặc biệt:

- Khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" và cao hơn mực nước chết, đơn vị quản lý, khai thác vận hành và các hộ dùng nước phải thực hiện các biện pháp cấp nước và sử dụng nước tiết kiệm, hạn chế trường hợp thiếu nước vào cuối mùa kiệt.

- Khi mực nước hồ bằng hoặc thấp hơn mực nước chết +619,00m mà các hộ dùng nước vẫn có nhu cầu, đơn vị quản lý, khai thác vận hành căn cứ nhu cầu dùng nước thực tế để lập phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và tổ chức thực hiện.

CHƯƠNG IV

VẬN HÀNH ĐIỀU TIẾT KHI HỒ CHỨA CÓ SỰ CỐ

Điều 12. Khi công trình đầu mối của hồ chứa (*đập chính, tràn xả lũ, cống lấy nước*) có dấu hiệu xảy ra sự cố gây mất an toàn cho công trình, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra, đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 13. Khi kênh dẫn vào tràn xả lũ, cửa công lấy nước bị sạt lở, bồi lấp hoặc có sự cố không vận hành được, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải triển khai ngay biện pháp xử lý, khắc phục và đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh xem xét tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum quyết định biện pháp xử lý để đảm bảo an toàn công trình.

Điều 14. Trường hợp xuất hiện các sự cố khẩn cấp có nguy cơ vỡ đập, đơn vị quản lý, khai thác vận hành phải phải triển khai ngay biện pháp khắc phục nhằm hạn chế thiệt hại do sự cố gây ra đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố Kon Tum để chỉ đạo việc triển khai phương án bảo vệ vùng hạ du hồ chứa và phương án khắc phục hậu quả. Thông báo cho chính quyền địa phương và đối tượng sử dụng nước biết để có biện pháp sử dụng nước trong thời gian khắc phục sự cố.

CHƯƠNG V QUAN TRẮC CÁC YẾU TỐ KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 15. Trách nhiệm quan trắc, dự báo và cung cấp thông tin

1. Đơn vị quản lý, khai thác vận hành tổ chức quan trắc mực nước tại thượng lưu, hạ lưu đập, lưu lượng lũ qua tràn (*Lưu lượng lũ, thời gian lũ, diễn biến mực nước thượng lưu, ảnh hưởng đối với vùng hạ du...*).

2. Cung cấp thông tin, dữ liệu quan trắc cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi cục Thủy lợi, Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh và cập nhật lên trang thông tin điện tử thuyloivietnam.vn theo quy định.

3. Phương thức cung cấp thông tin, dữ liệu: Thực hiện gửi qua địa chỉ Email

Điều 16. Chế độ quan trắc

Thời gian quan trắc mực nước hồ như sau:

- Mùa kiệt: Quan trắc 2 lần một ngày vào 07 giờ, 19 giờ;
- Mùa lũ: 4 lần một ngày vào 01 giờ, 07 giờ, 13 giờ và 19 giờ;
- Khi mực nước hồ bằng hoặc cao hơn ngưỡng tràn: 1 giờ 01 lần;
- Khi mực nước hồ trên mực nước lũ thiết kế: 1 giờ 04 lần.

CHƯƠNG VI TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 17. Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum

- Chỉ đạo kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng; chỉ đạo việc đảm bảo an toàn, quyết định biện pháp xử lý các sự

cố khẩn cấp khi xảy ra tình huống như quy định tại Điều 8, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 của Quy trình này.

- Công bố công khai Quy trình vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Xử lý hoặc ủy quyền xử lý các hành vi ngăn cản việc thực hiện hoặc vi phạm các quy định của Quy trình này theo thẩm quyền.

- Huy động nhân lực, vật lực để xử lý và khắc phục các sự cố.

- Báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 18. Ủy ban nhân dân thành phố Kon Tum và Ủy ban nhân dân xã Hòa Bình

- Thực hiện phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du khi hồ chứa xả lũ và trường hợp xảy ra sự cố.

- Huy động nhân lực, vật lực, phối hợp với Đơn vị khai thác vận hành để phòng, chống lụt, bão, bảo vệ và xử lý sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Ia Bang Thượng.

Điều 19. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh

- Tổ chức thường trực, theo dõi chặt chẽ diễn biến mưa lũ, quyết định phương án điều tiết, ban hành lệnh vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng.

- Quyết định vận hành xả lũ khẩn cấp. Báo cáo Trưởng Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai trong tình huống khẩn cấp vượt quá khả năng ứng phó của địa phương.

Điều 20. Ban Chỉ huy PCTT và TKCN thành phố Kon Tum

- Tổ chức huy động nhân lực, vật lực để phối hợp cùng Đơn vị khai thác vận hành thực hiện công tác phòng, chống lụt, bão và xử lý khi xảy ra sự cố công trình.

- Tuyên truyền, vận động Nhân dân địa phương thực hiện đúng các quy định trong Quy trình và tham gia bảo vệ an toàn công trình hồ chứa nước Ia Bang Thượng.

Điều 21. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, giám sát đơn vị quản lý, khai thác vận hành thực hiện đúng quy trình vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng.

- Báo cáo kết quả tổng hợp thực hiện quy trình vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Giải quyết những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Quy trình này theo thẩm quyền.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Trình Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Quy trình này theo thẩm quyền quy định.

- Theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện cấp nước trong mùa kiệt của hồ chứa nước Ia Bang Thượng nêu tại Điều 10 và Điều 11 của Quy trình này.

Điều 22. Đơn vị quản lý, khai thác vận hành

- Nghiêm chỉnh vận hành theo đúng quy trình và theo quy định tại Điều 27, Điều 28 và Điều 45 Luật Thủy lợi và khoản 3 Điều 53 Luật Tài nguyên nước.

- Hoạt động vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng phải ghi chép vào nhật ký vận hành.

- Định kỳ 5 năm phải rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Quy trình vận hành báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Định kỳ 5 năm hoặc khi quy trình vận hành không còn phù hợp có trách nhiệm rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành, trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn tung độ "Đường hạn chế cấp nước" trên biểu đồ điều phối và cao hơn mực nước chết đồng thời báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo dõi, chỉ đạo.

- Điều tiết cấp nước khi mực nước hồ thấp hơn mực nước chết theo phương án, kế hoạch sử dụng dung tích chết được Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chấp thuận.

- Kịp thời báo cáo và thực hiện các quyết định của Ban Chỉ huy PCTT và TKCN, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan khi xảy ra tình huống như quy định Điều 8; Điều 12; Điều 13 Điều 14 của Quy trình này.

- Công bố Quy trình vận hành được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Đơn vị khai thác vận hành.

- Lập biên bản xử lý và báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định xử lý kịp thời các hành vi ngăn cản, xâm hại đến việc thực hiện Quy trình.

- Đề nghị các cấp chính quyền, các ngành có liên quan giải quyết và phối hợp giải quyết các phát sinh, vướng mắc trong quá trình thực hiện Quy trình vận hành này.

Điều 23. Các tổ chức cá nhân hưởng lợi

- Nghiêm chỉnh thực hiện Quy trình vận hành. Hàng năm, phải ký hợp đồng với đơn vị quản lý, khai thác vận hành để đơn vị quản lý, khai thác vận hành lập kế hoạch cấp nước, xả nước hợp lý, đảm bảo hiệu quả kinh tế và an toàn công trình.

- Thực hiện đúng các quy định có liên quan tại Luật Thủy lợi và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác và bảo vệ công trình hồ chứa nước Ia Bang Thượng.

- Tổ chức, cá nhân thực hiện tốt Quy trình sẽ được khen thưởng theo quy định. Mọi hành vi vi phạm Quy trình sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy trình có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Trong quá trình thực hiện Quy trình này, trường hợp cần sửa đổi, bổ sung, đơn vị quản lý, khai thác vận hành tổng hợp, báo cáo tham mưu điều chỉnh Quy trình vận hành trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC
KÈM THEO QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC IA BANG THƯỢNG,
XÃ HÒA BÌNH, THÀNH PHỐ KON TUM, TỈNH KON TUM

PHỤ LỤC I
GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

Hồ chứa nước Ia Bang Thượng được đầu tư xây dựng năm 1995, qua thời gian sử dụng đến nay được sửa chữa nâng cấp từ nguồn vốn an toàn đập (WB8) trên địa bàn tỉnh Kon Tum vốn vay Ngân hàng Thế giới giai đoạn 2017-2022 và sắp được khởi công.

Theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 11 Nghị định 114/2018/NĐ-CP, ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính Phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước “Chủ đầu tư xây dựng đập, hồ chứa nước lập Quy trình vận hành hồ chứa nước, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi tích nước và bàn giao cho tổ chức quản lý khai thác hồ chứa” theo đó cần phải lập quy trình vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng trình phê duyệt làm cơ sở vận hành, khai thác hồ chứa theo quy định.

1. Vị trí địa lý:

Hồ chứa nước Ia Bang Thượng thuộc địa phận xã Hòa Bình, là một xã phía Tây Nam thành phố Kon Tum, cách trung tâm thành phố khoảng 14,0Km. Tuyến đập chính có vị trí địa lý: Vĩ độ Bắc: 14°15'30"; Kinh độ Đông: 107°56'58"



2. Nhiệm vụ công trình: Theo thiết kế công trình có nhiệm vụ tưới cho 335ha lúa và cây công nghiệp nhưng hiện nay chỉ tưới cho 73,10 ha diện tích lúa + 56,40ha cây công nghiệp và 19ha hoa màu.

3. Thành phần công trình gồm: Đập đất; Tràn xả lũ; Cống lấy nước; Đường quản lý vận hành

4. Cấp công trình đầu mối:

- Cấp III (Theo QCVN 04 – 05 : 2012);
- Loại công trình: Công trình NN và PTNT;
- Thuộc loại hồ chứa vừa (theo Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018).

5. Các thông số kỹ thuật chính của công trình:

TT	Thông số - Hạng mục	ĐVT	Thiết kế
I	Hồ chứa		
1	Diện tích lưu vực	km ²	8,200
2	Cao trình mực nước dâng bình thường	m	628,14
3	Cao trình mực nước lũ thiết kế	m	628,31
4	Cao trình mực nước lũ kiểm tra	m	628,47
5	Cao trình mực nước chết	m	619,00
6	Dung tích toàn bộ (W _{tb})	triệu m ³	1,879
7	Dung tích hữu ích (W _{hi})	triệu m ³	1,850
8	Dung tích chết (W _c)	triệu m ³	0,029
II	Đập đất		
1	Cao trình đỉnh đập	m	629,70
2	Chiều rộng mặt đập	m	5,00
3	Chiều dài mặt đập	m	406,50
4	Chiều cao đập lớn nhất	m	13,80
III	Tràn xả lũ		
1	Chiều rộng tràn nước	m	6,00
2	Cao trình ngưỡng tràn	m	626,20
3	Lưu lượng xả lũ thiết kế	m ³ /s	29,30
4	Cột nước tràn thiết kế	m	2,11
5	Lưu lượng xả lũ kiểm tra	m ³ /s	32,70
6	Cột nước tràn kiểm tra	m	2,27
IV	Cống lấy nước đầu mối		
1	Khẩu độ cống (bxh)	m	(0,8x1,0)

2	Cao trình đáy cống cửa vào	m	618,20
3	Chiều dài cống toàn bộ	m	65,00
4	Lưu lượng thiết kế Qy/c	m^3/s	0,30
IV	Đường quản lý		
1	Loại đường		GTNT loại C
2	Chiều dài tuyến	m	1.366,52
3	Bề rộng mặt đường	m	0,5+3,0+0,5

PHỤ LỤC II

NHỮNG CĂN CỨ ĐỂ LẬP QUY TRÌNH VẬN HÀNH HỒ CHỨA NƯỚC IA BANG THƯỢNG

1. Các văn bản pháp quy:

- Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;
- Luật Phòng chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;
- Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;
- Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết việc thi hành Luật tài nguyên nước;
- Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống thiên tai;
- Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;
- Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước;
- Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi;
- Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính Phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai;
- Các Tiêu chuẩn, Quy phạm hiện hành: Tiêu chuẩn TCVN 8414-2010: Công trình thủy lợi - Quy trình quản lý vận hành, khai thác và kiểm tra hồ chứa nước; tiêu chuẩn TCVN 8304:2009: Quy phạm công tác thủy văn trong hệ thống thủy nông và các Tiêu chuẩn, Quy phạm khác có liên quan tới công trình thủy công của hồ chứa nước.

2. Các tài liệu, số liệu khí tượng thủy văn:

- Các tài liệu khí tượng thủy văn dùng trong thiết kế hồ chứa nước Ia Bang Thượng.
- Số liệu trạm thủy văn Kon Tum;
- Các tài liệu quan trắc mực nước hồ,...

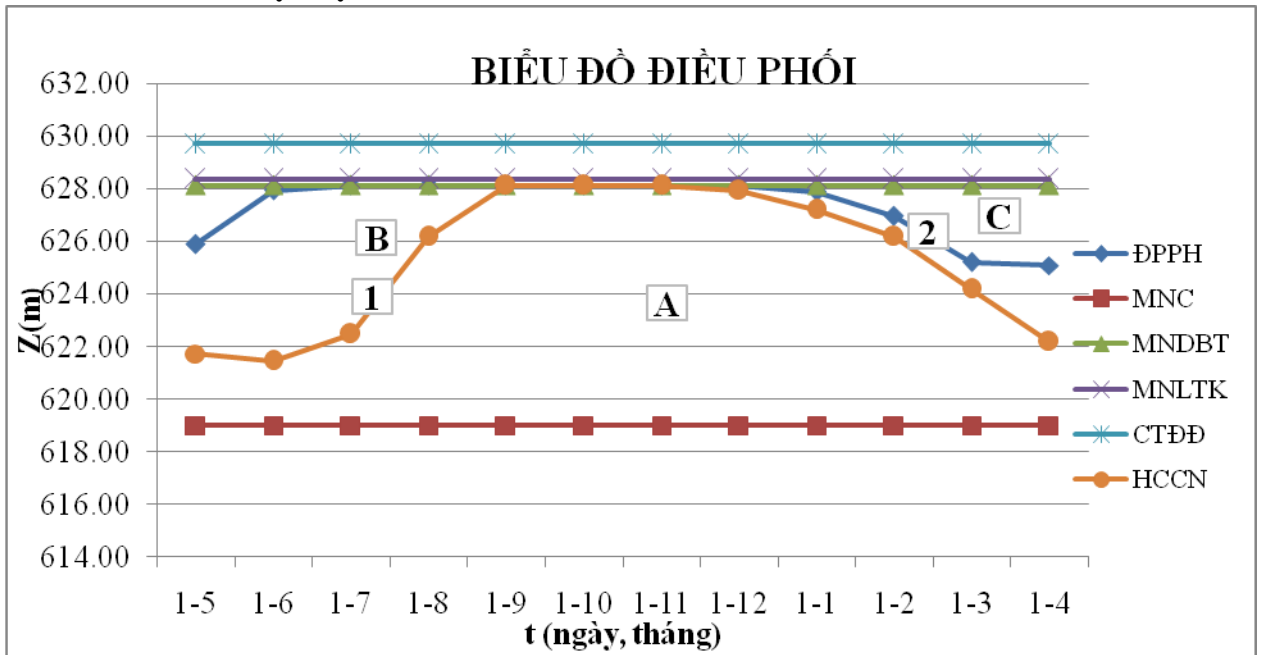
3. Mục tiêu và yêu cầu:

- Lập quy trình vận hành hồ chứa nước Ia Bang Thượng để làm cơ sở quản lý, vận hành, khai thác công trình nhằm đảm bảo an toàn cho công trình trong mùa mưa lũ, khi công trình có sự cố và đảm bảo đáp ứng tốt các nhiệm vụ của công trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Về phòng chống lũ: Phải đảm bảo an toàn cho công trình theo tần suất lũ thiết kế $P = 1,5\%$ và lũ kiểm tra $P = 0,5\%$.

- Về cấp nước: Đảm bảo cấp đủ nước theo các nhiệm vụ thiết kế được duyệt.

PHỤ LỤC III: CÁC BIỂU ĐỒ, BẢNG TRẢ
PHỤ LỤC III-1: BIỂU ĐỒ ĐIỀU PHỐI HỒ CHỨA



Ghi chú:

- [1] Đường hạn chế cấp nước
- [2] Đường phòng phá hoại
- A Vùng hạn chế cấp nước
- B Vùng cấp nước bình thường
- C Vùng cấp nước gia tăng

BẢNG TUNG ĐỘ CÁC ĐƯỜNG [1], [2]

Ngày/Tháng	1/5	1/6	1/7	1/8	1/9	1/10
Đường phòng phá hoại (m)	625,89	627,93	628,14	628,14	628,14	628,14
Đường hạn chế cấp nước (m)	621,73	621,45	622,48	626,17	628,14	628,14

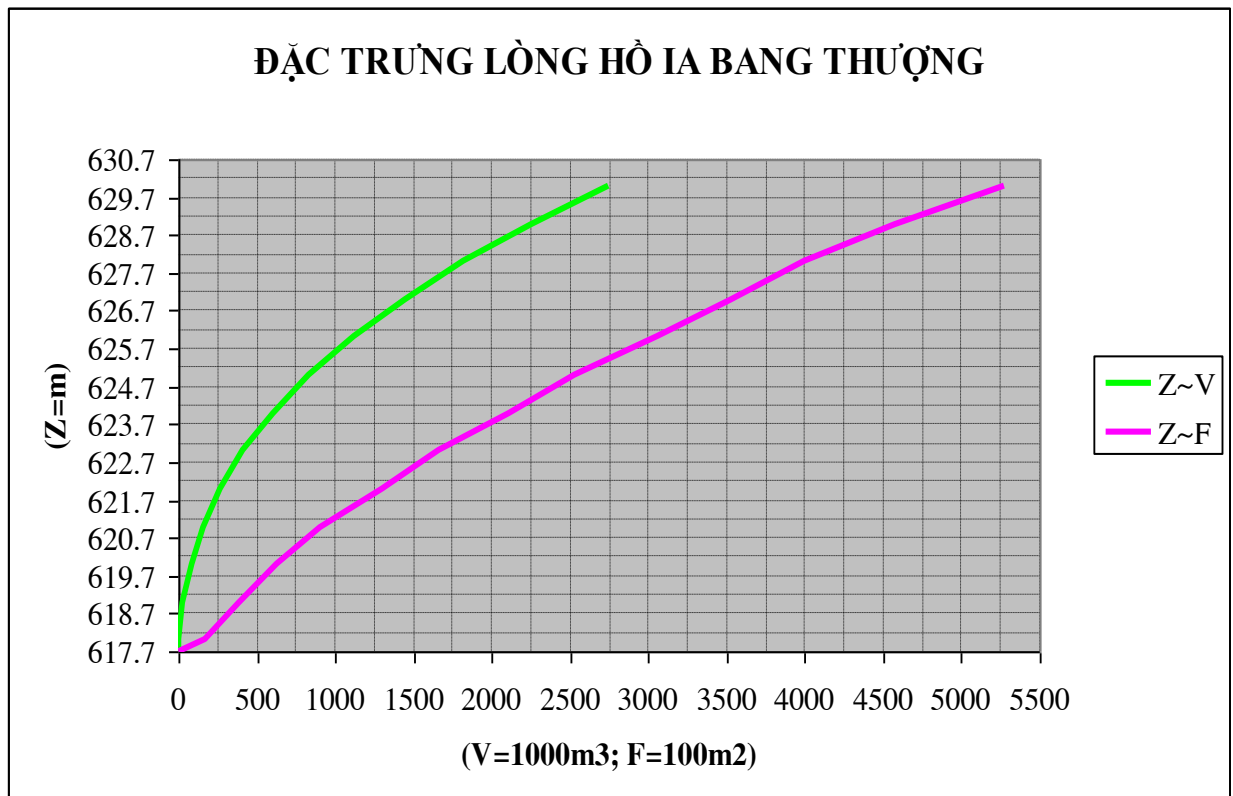
Ngày/Tháng	1/11	1/12	1/1	1/2	1/3	1/4
Đường phòng phá hoại (m)	628,14	628,14	627,90	626,96	625,20	625,09
Đường hạn chế cấp nước (m)	628,13	627,94	627,19	626,18	624,17	622,20

PHỤ LỤC III-2:
BẢNG TRA VÀ BIỂU ĐỒ QUAN HỆ MỨC NƯỚC, DUNG TÍCH HỒ

1. Bảng tra quan hệ (Z~W) và (Z~F)

TT	Z (m)	F (10 ³ m ²)	W (10 ³ m ³)
1	617,7	0,000	0,000
2	618	16,667	1,667
3	619	38,722	29,361
4	620	62,401	79,923
5	621	90,696	156,471
6	622	129,425	266,532
7	623	165,640	414,064
8	624	210,495	602,131
9	625	253,177	833,968
10	626	305,831	1113,472
11	627	352,405	1442,590
12	628	399,703	1818,643
13	629	456,779	2246,884
14	630	527,324	2738,936

2. Biểu đồ quan hệ (Z~F~W)

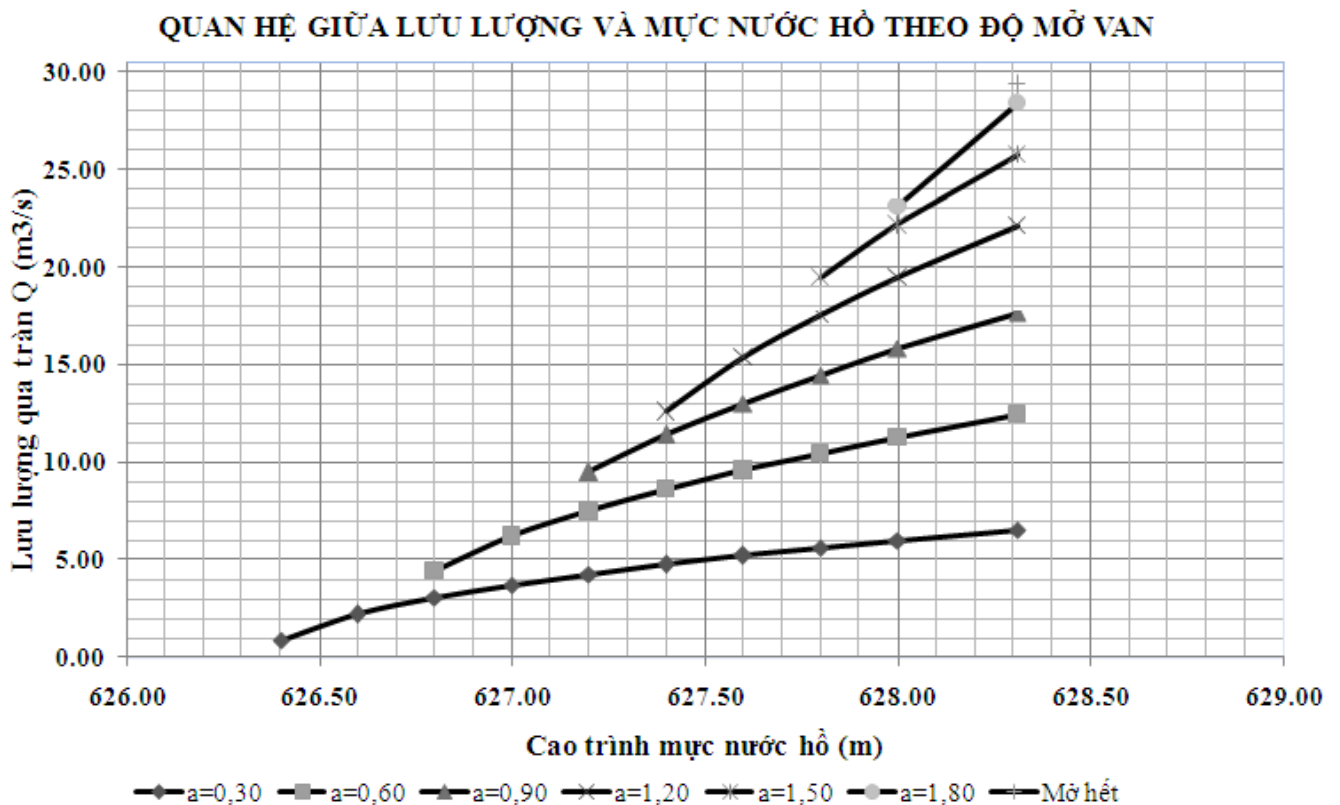


PHỤ LỤC III-3:
BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA TRÀN XẢ LŨ

1. Bảng tra quan hệ lưu lượng, mực nước và độ mở tràn xả lũ:

m	a=0,30	a=0,60	a=0,90	a=1,20	a=1,50	a=1,80	Mở hết
626,20							
626,40	0,856						
626,60	2,191						
626,80	3,038	4,447					
627,00	3,695	6,198					
627,20	4,252	7,491	9,477				
627,40	4,744	8,592	11,386	12,577			
627,60	5,189	9,567	13,018	15,379			
627,80	5,600	10,451	14,468	17,530	19,467		
628,00	5,982	11,266	15,784	19,446	22,127	23,105	
628,31	6,530	12,424	17,632	22,088	25,712	28,393	29,324

2. Biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng và độ mở tràn xả lũ



PHỤ LỤC III-4

BẢNG TRA QUAN HỆ MỨC NƯỚC, LƯU LƯỢNG QUA CỐNG LẤY NƯỚC ĐẦU MỎI

1. Bảng tra quan hệ lưu lượng, mực nước và độ mở cổng lấy nước:

Z	e=0.15	e=0.30	e=0.45	e=0.60	e=0.75	e=0.90	e=1.00
9,64	1,275	2,550	3,825	5,101	6,376	7,651	8,501
8,50	1,197	2,395	3,592	4,790	5,987	7,184	7,983
7,50	1,125	2,249	3,374	4,499	5,624	6,748	7,498
6,50	1,047	2,094	3,141	4,188	5,235	6,282	6,981
5,50	0,963	1,926	2,890	3,853	4,816	5,779	6,421
4,50	0,871	1,742	2,614	3,485	4,356	5,227	5,808
3,50	0,768	1,537	2,305	3,073	3,842	4,610	5,122
2,50	0,649	1,299	1,948	2,597	3,247	3,896	4,329
1,50	0,503	1,006	1,509	2,012	2,515	3,018	3,353
0,50	0,290	0,581	0,871	1,162	1,452	1,742	1,936

2. Biểu đồ quan hệ mực nước, lưu lượng và độ mở cổng lấy nước

